

Số: 4068/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của
Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự;

Căn cứ Công văn số 10350/BTC-QLG ngày 24/8/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định giá tài sản trong tổ tụng hình sự;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5019/TTr-STC ngày 05 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa.

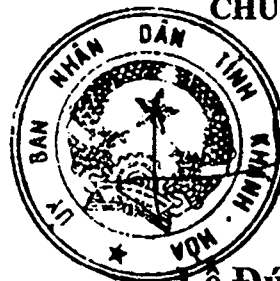
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có đại diện là thành viên Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN, LT. 62

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Vinh

QUY CHẾ

**Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản
trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng định giá tài sản (gồm Hội đồng định giá thường xuyên và Hội đồng định giá vụ việc) trong tổ tụng hình sự tại tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự (sau đây gọi tắt là Hội đồng định giá tài sản) nhằm thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự khi cần xác định giá của tài sản để giải quyết vụ án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng có yêu cầu thành lập Hội đồng định giá tài sản; cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng định giá tài sản; cơ quan, tổ chức cử người và cá nhân được cử tham gia Hội đồng định giá tài sản; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản theo trình tự, thủ tục định giá tài sản, hoạt động độc lập, tuân theo các quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự và phải đảm bảo nguyên tắc trung thực, khách quan, công khai và kịp thời; bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cần định giá tại thời điểm và nơi tài sản được yêu cầu định giá.

2. Hội đồng định giá tài sản hoạt động theo cơ chế tập thể, quyết định theo đa số. Hội đồng định giá tài sản chịu trách nhiệm về kết luận của mình. Kết luận của Hội đồng định giá tài sản là một trong những căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự xem xét, giải quyết vụ án hình sự.

Điều 4. Thành lập Hội đồng định giá tài sản

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh, thành phần bao gồm:

- a) Một lãnh đạo của Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng;
- b) Một lãnh đạo cấp phòng của Sở Tài chính là thành viên Thường trực Hội đồng;
- c) Đại diện các cơ quan, tổ chức chuyên môn liên quan đến tài sản cần định giá là thành viên Hội đồng.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Ninh Hòa, thành phố Cam Ranh, thành phố Nha Trang (gọi chung là cấp huyện) quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản cấp huyện, thành phần bao gồm:

- a) Một lãnh đạo của Phòng Tài chính – Kế hoạch là Chủ tịch Hội đồng;
- b) Một chuyên viên của Phòng Tài chính – Kế hoạch là thành viên thường trực Hội đồng;
- c) Đại diện các cơ quan, tổ chức chuyên môn liên quan đến tài sản cần định giá là thành viên Hội đồng.

3. Căn cứ yêu cầu định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự các cấp, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản cùng cấp quyết định số lượng thành viên phù hợp với đặc điểm của tài sản cần định giá để tiến hành định giá tài sản. Số lượng thành viên tham gia Hội đồng định giá phải là số lẻ, tối thiểu là 03 người đối với Hội đồng định giá cấp huyện, tối thiểu là 05 người đối với Hội đồng định giá cấp tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng định giá thường xuyên hoặc Hội đồng định giá vụ việc cấp huyện để định giá tài sản khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng định giá thường xuyên hoặc Hội đồng định giá vụ việc cấp tỉnh để định giá khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng và thực hiện định giá lại trong các trường hợp theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ (Nghị định số 30/2018/NĐ-CP). Quyết định thành lập Hội đồng định giá thường xuyên hoặc vụ việc được gửi đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng để cơ quan này gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản.

5. Hội đồng định giá tài sản các cấp thực hiện yêu cầu định giá của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng cùng cấp. Trừ trường hợp định giá lại quy định tại Điều 16 Quy chế này.

6. Nơi làm việc và giao dịch của Hội đồng định giá tài sản các cấp được đặt tại cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 5. Quyền và Nghĩa vụ của Hội đồng định giá tài sản

1. Hội đồng định giá có quyền:

a) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc định giá;

b) Thuê tổ chức giám định để thực hiện giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng của tài sản; thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản. Việc thuê tổ chức giám định, doanh nghiệp thẩm định giá được tiến hành trong các trường hợp cần thiết do Hội đồng định giá tài sản quyết định;

c) Từ chối thực hiện định giá tài sản trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành định giá; không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành định giá; các tài

liệu cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để định giá; nội dung yêu cầu định giá vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình;

d) Được bảo đảm về tài chính đầy đủ, kịp thời và các cơ sở vật chất cần thiết để tiến hành định giá tài sản theo quy định của pháp luật;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng định giá có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục định giá tài sản quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác liên quan;

b) Thông báo kịp thời bằng văn bản tới các thành viên Hội đồng về nội dung, thành phần, thời gian, địa điểm phiên họp định giá tài sản;

c) Thực hiện định giá tài sản, trả kết luận định giá tài sản theo đúng thời hạn được yêu cầu; trong trường hợp cần có thêm thời gian để thực hiện định giá thì phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan yêu cầu định giá biết;

d) Xác định trung thực, khách quan giá trị của tài sản được yêu cầu định giá và chịu trách nhiệm về kết luận định giá tài sản đó;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng định giá tài sản

1. Thành viên của Hội đồng định giá có quyền:

a) Tìm hiểu tài liệu của vụ án có liên quan đến tài sản cần định giá;

b) Đưa ra nhận định, đánh giá độc lập của mình về tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá về cách thức thực hiện nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá và giá của tài sản cần định giá;

c) Biểu quyết để xác định giá của tài sản, ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp định giá tài sản nếu không thống nhất với kết luận của Hội đồng định giá;

d) Được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định của pháp luật khi tham gia định giá;

đ) Từ chối tham gia định giá tài sản nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 13 của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên của Hội đồng định giá có nghĩa vụ:

a) Giữ bí mật điều tra mà mình biết được khi thực hiện định giá tài sản;

b) Tham gia các phiên họp của Hội đồng định giá khi được yêu cầu;

c) Tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục định giá tài sản quy định tại Quy chế này;

d) Chịu trách nhiệm về ý kiến nhận định, đánh giá của mình quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản

1. Chủ tịch Hội đồng định giá có quyền:

a) Chỉ đạo chung hoạt động của Hội đồng; điều hành và phân công nhiệm vụ cho Thành viên thường trực Hội đồng và các thành viên Hội đồng theo các quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP; đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ đã giao;

b) Triệu tập và điều hành phiên họp định giá tài sản, chỉ đạo thành viên Hội đồng chuẩn bị nội dung các vấn đề liên quan đến định giá tài sản để thảo luận tại phiên họp;

c) Các quyền khác của thành viên Hội đồng định giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Hội đồng định giá có nghĩa vụ:

a) Chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng định giá về hoạt động của Hội đồng;

b) Thay mặt Hội đồng hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng giải thích để làm sáng tỏ nội dung kết luận định giá tài sản và những tình tiết cần thiết khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tố tụng yêu cầu định giá tài sản;

c) Các nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng định giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Tiếp nhận yêu cầu định giá, kiểm tra hồ sơ và các thủ tục để tiến hành định giá tài sản

1. Khi nhận được văn bản yêu cầu định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng kèm theo các tài liệu, hồ sơ liên quan đến yêu cầu định giá tài sản được gửi đến Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, có nội dung đúng với quy định tại Điểm a Khoản này. Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản có trách nhiệm tiếp nhận văn bản yêu cầu định giá tài sản, làm công tác chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu, điều kiện, phương tiện, địa điểm cho Hội đồng định giá tài sản. Thành viên thường trực của Hội đồng định giá tài sản giúp Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản theo dõi, thực hiện việc tiếp nhận văn bản yêu cầu định giá tài sản, việc lựa chọn, quyết định thành viên tham gia định giá tài sản và làm thủ tục tiến hành định giá tài sản. Nội dung, thời hạn gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản thực hiện như sau:

a) Văn bản yêu cầu định giá có nội dung như sau:

- Tên cơ quan yêu cầu định giá; họ tên người có thẩm quyền yêu cầu định giá;

- Tên Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu;

- Thông tin và đặc điểm của tài sản cần định giá;

- Tên tài liệu có liên quan (nếu có);

- Nội dung yêu cầu định giá tài sản;

- Ngày, tháng, năm yêu cầu định giá tài sản, thời hạn trả kết luận định giá tài sản.

b) Thời hạn gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra văn bản yêu cầu định giá tài sản, cơ quan yêu cầu định giá phải giao hoặc gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản, hồ sơ, đối tượng yêu cầu định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu; gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản cho Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

2. Khi xét thấy việc định giá không đảm bảo một trong các điều kiện sau, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản gửi văn bản cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự yêu cầu định giá thông báo việc từ chối định giá hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ tài liệu:

a) Văn bản yêu cầu định giá tài sản không đúng thủ tục, không đầy đủ các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

b) Yêu cầu định giá không đúng thẩm quyền phân cấp theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy chế này.

c) Thời gian không đủ để tiến hành định giá;

d) Không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành định giá;

e) Hồ sơ, tài liệu cần định giá kèm theo văn bản yêu cầu định giá cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để định giá;

g) Nội dung yêu cầu định giá vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình.

3. Căn cứ vào tính chất của tài sản định giá, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản gửi Thông báo đến đơn vị là thành viên có chuyên môn phù hợp, yêu cầu cử người tham gia Hội đồng định giá. Thông báo phải ghi rõ nội dung yêu cầu định giá của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự, tên tài sản cần định giá, thời hạn thực hiện định giá, thời gian và địa điểm họp định giá.

4. Khi nhận được Thông báo yêu cầu cử người tham gia Hội đồng định giá, Thủ trưởng các đơn vị là thành viên Hội đồng định giá tài sản có trách nhiệm lựa chọn, cử người tham gia Hội đồng định giá. Người được cử là những người am hiểu về loại tài sản cần định giá, có kiến thức chuyên môn để tham gia thành viên Hội đồng định giá và không thuộc các trường hợp không được tham gia định giá tài sản quy định tại Điều 13 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

5. Căn cứ văn bản hoặc xác nhận cử người của Thủ trưởng các đơn vị là thành viên Hội đồng định giá tài sản, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản ra Quyết định số lượng thành viên tham gia Hội đồng định giá.

6. Thời hạn định giá tài sản

a) Việc định giá tài sản, trả kết luận định giá tài sản thực hiện theo thời hạn nêu trong văn bản yêu cầu định giá tài sản, nhưng không ít hơn tổng số thời gian tối thiểu thực hiện các thủ tục định giá quy định tại Điểm b Khoản này, trừ trường hợp quy định tại Điều 17 của Quy chế này. Trường hợp việc định giá tài sản không thể tiến hành trong thời hạn yêu cầu, Hội đồng định giá tài sản phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan, người đã yêu cầu định giá biết.

b) Thời hạn thực hiện các bước thủ tục định giá được quy định như sau:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu định giá của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản phải có Thông báo yêu cầu cử cán bộ tham gia Hội đồng định giá tài sản, gửi đến các thành viên liên quan, hoặc Thông báo từ chối định giá, đề nghị bổ sung hồ sơ tài liệu, gửi đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu định giá.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo yêu cầu cử người tham gia Hội đồng định giá, thủ trưởng các cơ quan thành viên Hội đồng định giá tài sản phải phân công cán bộ tham gia, gửi văn bản đến Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản trong trường hợp bình thường, hoặc xác nhận tên người được cử trực tiếp trên Thông báo yêu cầu cử cán bộ trong trường hợp cấp bách.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận việc cử cán bộ tham gia Hội đồng định giá theo vụ việc hoặc thường xuyên của các thành viên, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản ban hành Quyết định số lượng thành viên tham gia Hội đồng định giá, và tổ chức phiên họp định giá.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản họp định giá tài sản, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản gửi Kết luận định giá tài sản đến cơ quan có thẩm quyền tố tụng hình sự yêu cầu định giá.

- Trường hợp có các đối tượng khác theo Khoản 5 Điều 12 của Quy chế này tham gia phiên họp định giá, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản phải gửi giấy mời đến người mời họp ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày tổ chức phiên họp định giá.

c) Thời hạn thực hiện các bước thủ tục quy định tại Điểm b Khoản này được xác định căn cứ vào dấu bưu điện đóng trên công văn giao dịch hoặc dấu xác nhận công văn đến của Văn thư nơi nhận.

Điều 9. Căn cứ định giá tài sản

1. Việc định giá tài sản không phải là hàng cấm phải dựa trên ít nhất một trong các căn cứ sau:

- a) Giá thị trường của tài sản;
- b) Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định;
- c) Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp;
- d) Giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá (nếu có);
- đ) Các căn cứ khác về giá hoặc giá trị của tài sản cần định giá.

2. Việc định giá tài sản là hàng cấm phải dựa trên ít nhất một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Giá mua bán thu thập được trên thị trường không chính thức tại thời điểm và tại nơi tài sản là hàng cấm được yêu cầu định giá hoặc tại địa phương khác;

b) Giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu hàng cấm (nếu có);

- c) Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp;

d) Giá thị trường trong khu vực hoặc thế giới của hàng cấm do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông báo hoặc cung cấp thông tin;

đ) Giá niêm yết, giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu của tài sản tương tự được phép kinh doanh, lưu hành, sử dụng tại Việt Nam;

e) Giá thị trường trong khu vực và thế giới của tài sản tương tự được phép kinh doanh, lưu hành, sử dụng tại các thị trường này;

g) Các căn cứ khác giúp xác định giá trị của tài sản cần định giá do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng hình sự cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tin cậy của các căn cứ này.

3. Các mức giá từ các nguồn thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định tại thời điểm và tại nơi tài sản được yêu cầu định giá. Trường hợp thu thập nguồn thông tin về mức giá tài sản tại thời điểm khác hoặc ở địa phương khác thì mức giá đó cần được điều chỉnh phù hợp về thời điểm và nơi tài sản được yêu cầu định giá.

Điều 10. Khảo sát tài sản cần định giá; khảo sát giá; thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản có trách nhiệm tổ chức cho Hội đồng định giá khảo sát trực tiếp tài sản hoặc mẫu tài sản cần định giá.

2. Tùy theo tính chất, đặc điểm, tình hình thực tế của tài sản cần định giá, Hội đồng định giá thực hiện khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá bằng ít nhất một trong các hình thức sau:

a) Khảo sát giá thị trường theo giá bán buôn, giá bán lẻ của tài sản cùng loại hoặc tài sản tương tự;

b) Nghiên cứu giá tài sản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định đã được áp dụng tại địa phương;

c) Tham khảo giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp, giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá, các nguồn thông tin khác về giá trị của tài sản cần định giá.

Điều 11. Phương pháp định giá tài sản

1. Căn cứ vào loại tài sản; thông tin và đặc điểm của tài sản; tình hình khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; Hội đồng định giá thực hiện định giá tài sản theo tiêu chuẩn về thẩm định giá, phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ và các tiêu chuẩn, phương pháp định giá quy định tại pháp luật chuyên ngành liên quan đến tài sản cần định giá.

2. Đối với một số trường hợp cụ thể, việc định giá tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời tiến hành như sau:

a) Tài sản chưa qua sử dụng: Hội đồng định giá xác định giá của tài sản theo giá của tài sản giống hệt còn mới hoặc tài sản tương tự còn mới (nếu không có tài sản giống hệt);

b) Tài sản đã qua sử dụng: Hội đồng định giá xác định giá của tài sản trên cơ sở xác định giá trị thực tế của tài sản;

c) Tài sản bị hủy hoại, hư hỏng một phần; tài sản bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ nhưng vẫn có khả năng khôi phục lại tình trạng của tài sản như trước khi bị hủy hoại, hư hỏng: Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu xác định giá trị thiệt hại của tài sản bị hủy hoại, hư hỏng một phần hoặc toàn bộ, Hội đồng định giá xác định giá trên cơ sở chi phí khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng một phần hoặc toàn bộ;

d) Tài sản bị mất, thất lạc; tài sản bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ và không có khả năng khôi phục lại tình trạng của tài sản như trước khi bị hủy hoại, hư hỏng: Hội đồng định giá xác định giá của tài sản theo hồ sơ của tài sản (do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp) trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá;

đ) Tài sản là hàng giả: Hội đồng định giá xác định giá tài sản theo giá của hàng thật hoặc giá của tài sản tương tự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

e) Tài sản không mua bán phổ biến trên thị trường; tài sản là kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị văn hóa, tôn giáo, khảo cổ, kiến trúc, lịch sử: Hội đồng định giá xác định giá tài sản dựa trên kết quả giám định, ý kiến đánh giá của cơ quan có thẩm quyền và chuyên gia về lĩnh vực này hoặc giá trị ghi trong hồ sơ, tài liệu của tài sản (do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp).

Điều 12. Phiên họp định giá tài sản

1. Phiên họp định giá tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng định giá tham dự. Trường hợp Hội đồng định giá chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng định giá điều hành phiên họp định giá tài sản, sau khi các thành viên của Hội đồng định giá vụ việc hoặc thường xuyên thực hiện các bước quy định tại Điều 9, 10, 11 của Quy chế này.

2. Các thành viên Hội đồng định giá dự họp đúng thời gian, địa điểm theo Thông báo của Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, không được vắng mặt, không được ủy quyền họp thay. Trường hợp bất khả kháng phải vắng mặt thì những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản nêu rõ lý do vắng mặt và có ý kiến độc lập của mình về giá của tài sản cần định giá.

3. Mỗi thành viên của Hội đồng định giá có mặt tại phiên họp phát biểu ý kiến độc lập của mình về giá của tài sản trên cơ sở kết quả thực hiện theo các nguyên tắc, căn cứ và phương pháp định giá tài sản quy định tại Điều 9, 10, 11 của Quy chế này.

4. Hội đồng định giá kết luận về giá của tài sản theo ý kiến đa số của những thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trường hợp không đồng ý với giá của tài sản do Hội đồng quyết định thì thành viên của Hội đồng định giá có quyền bảo lưu ý kiến của mình; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản phiên họp định giá tài sản.

5. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có thể tham dự phiên họp định giá tài sản nhưng phải báo trước cho Hội đồng định giá biết; khi được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng thì có quyền đưa ra ý kiến về việc định giá, nhưng không được quyền biểu quyết về giá của tài sản. Các đối tượng này tham gia phiên họp theo giấy mời của Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản, việc quyết định hoặc chấp thuận mời đối tượng nào tham dự phiên họp định giá do Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản quyết định, căn cứ vào yêu cầu phục vụ phiên họp định giá tài sản hoặc theo đề nghị của các đối tượng liên quan.

Điều 13. Biên bản phiên họp định giá tài sản

1. Hội đồng định giá lập biên bản phiên họp định giá tài sản. Biên bản phiên họp định giá tài sản phải ghi đầy đủ và trung thực toàn bộ nội dung phiên họp định giá tài sản.

2. Biên bản phiên họp định giá tài sản phải có các nội dung chính sau đây:

a) Họ, tên Chủ tịch Hội đồng; các thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp; các thành viên Hội đồng vắng mặt tại phiên họp và lý do vắng mặt (nếu có);

b) Họ, tên những người tham dự phiên họp định giá tài sản;

c) Thời gian, địa điểm tiến hành và hoàn thành phiên họp định giá tài sản;

d) Kết quả khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá;

đ) Ý kiến của các thành viên Hội đồng và những người tham dự phiên họp định giá tài sản; ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt;

e) Kết quả biểu quyết của Hội đồng định giá về giá của tài sản;

g) Chữ ký các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp;

h) Dấu của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng hoặc cơ quan của Chủ tịch Hội đồng.

3. Đối với định giá tài sản là hàng cấm, ngoài các nội dung chính quy định tại khoản 2 Điều này, Biên bản phiên họp định giá tài sản phải bao gồm những hạn chế về việc áp dụng các căn cứ định giá tài sản đối với hàng cấm; về quá trình thực hiện khảo sát giá; thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá là hàng cấm; về phương pháp định giá tài sản và các hạn chế khác (nếu có) khi định giá tài sản là hàng cấm.

4. Biên bản phiên họp định giá tài sản được lập thành ít nhất 03 bản, trong đó 02 bản lưu trong Hồ sơ định giá tài sản và 01 bản gửi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản.

Điều 14. Kết luận định giá tài sản

1. Kết luận định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản lập để kết luận về giá của tài sản được yêu cầu định giá. Kết luận về giá tài sản được tính bằng đồng Việt Nam và gửi cơ quan yêu cầu định giá tài sản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Hội đồng định giá tài sản lập kết luận định giá tài sản.

2. Kết luận định giá tài sản phải được lập thành văn bản và phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Tên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu định giá tài sản;
- b) Tên Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu; họ, tên Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản và các thành viên của Hội đồng;
- c) Số của văn bản yêu cầu định giá và ngày nhận văn bản yêu cầu định giá;
- d) Quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản và Quyết định số lượng thành viên tham gia Hội đồng định giá;
- đ) Tên tài sản cần định giá;
- e) Thông tin, tài liệu có liên quan đến tài sản cần định giá;
- g) Kết luận về giá của tài sản;
- h) Chữ ký của các thành viên của Hội đồng có mặt tại phiên họp định giá tài sản và dấu của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng hoặc cơ quan của Chủ tịch Hội đồng.

3. Kết luận định giá tài sản được lập thành ít nhất 03 bản, 02 bản lưu trong Hồ sơ định giá tài sản và 01 bản gửi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu định giá tài sản.

Điều 15. Hồ sơ định giá tài sản

1. Hồ sơ định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản lập, gồm có các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản yêu cầu định giá tài sản;
- b) Quyết định thành lập Hội đồng định giá và Quyết định số lượng thành viên tham gia Hội đồng định giá;
- c) Biên bản phiên họp Hội đồng định giá;
- d) Kết luận định giá tài sản;
- đ) Tài liệu do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp (đóng dấu giáp lai của cơ quan yêu cầu định giá tài sản);
- e) Các tài liệu khác có liên quan đến việc định giá tài sản.

2. Cơ quan Tài chính có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ định giá tài sản. Hồ sơ định giá tài sản được lưu giữ ít nhất là ba mươi năm, kể từ ngày kết thúc việc định giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Thành viên thường trực Hội đồng định giá tài sản có trách nhiệm giúp Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản hoàn chỉnh hồ sơ, đưa vào lưu trữ theo quy định.

Điều 16. Định giá lại tài sản

1. Định giá lại: Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh tiến hành định giá lại tài sản do Hội đồng định giá tài sản cấp huyện định giá lần đầu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Định giá lại lần thứ hai: Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh tiến hành định giá lại lần thứ hai trong trường hợp có mâu thuẫn giữa kết luận định giá lần đầu của Hội đồng định giá cấp huyện và kết luận định giá lại của Hội đồng định giá cấp tỉnh khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. Việc định giá tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện theo trình tự thủ tục như định giá lần đầu quy định tại Quy chế này và các quy định chung tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

Điều 17. Định giá trong trường hợp cấp bách

1. Trong trường hợp cấp bách cần định giá tài sản ngay nhằm phục vụ cho công tác điều tra khi cơ quan điều tra thực hiện việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang truy nã, tạm giữ, tạm giam theo Điều 110, 111, 112, 117, 119 của Luật Tố tụng hình sự năm 2015, Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản quyết định rút ngắn thời gian và đơn giản các thủ tục thực hiện định giá, nhưng vẫn đảm bảo các bước thủ tục cần thiết cho việc định giá một cách chính xác.

2. Các trường hợp định giá cấp bách phải được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự yêu cầu định giá xác định rõ trong văn bản yêu cầu định giá và là căn cứ để Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản quyết định việc thực hiện định giá cấp bách.

Điều 18. Chi phí định giá, định giá lại

Chi phí định giá, định giá lại tài sản do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chi trả cho Hội đồng định giá tài sản, được quản lý và chi tiêu theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Vinh